

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2015
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

117
CỘNG
HỘ N
TÊN
VÀ
QU
NG

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Phòng 205, Khu đô thị Đại Kim, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Khắc Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Sơn	Thành viên
Ông Trịnh Hữu Tuấn	Thành viên
Ông Thái Sỹ Oai	Thành viên
Ông Đặng Hồng Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Phương Nam	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2015)
Ông Đặng Hồng Hải	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2015)
Ông Nguyễn Thế Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Phương Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 09 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 01.09/2015/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sara Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 08 tháng 09 năm 2015, từ trang 4 đến trang 28.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2013-072-1
Hà Nội, ngày 08 tháng 09 năm 2015

Trần Thiện Thanh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B 01a-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.806.917.168	11.269.661.820
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		61.389.792	124.872.765
1. Tiền	111	V.1	61.389.792	124.872.765
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.745.527.376	11.132.563.376
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.355.940.453	1.675.940.453
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.588.591.794	8.388.591.794
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.964.786.423	4.364.786.423
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(3.164.007.437)	(3.296.971.437)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		216.143	216.143
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	12.225.679
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	12.225.679
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.223.497.461	13.247.063.692
I. Tài sản cố định	220		-	23.566.231
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	23.566.231
- Nguyên giá	222		1.034.561.547	1.034.561.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.034.561.547)	(1.010.995.316)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		130.909.127	130.909.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.909.127)	(130.909.127)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	10.266.497.188	10.266.497.188
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.266.497.188	10.266.497.188
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.957.000.273	2.957.000.273
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.8	3.300.000.000	3.300.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(342.999.727)	(342.999.727)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24.030.414.629	24.516.725.512

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu B 01a-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.150.260.990	11.355.720.062
I. Nợ ngắn hạn	310		4.962.791.524	5.168.250.596
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	2.242.677.627	2.198.677.627
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	121.615.000	121.615.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.874.696.888	1.893.415.960
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		15.310.400	15.310.400
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	610.517.022	841.257.022
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		97.974.587	97.974.587
II. Nợ dài hạn	330		6.187.469.466	6.187.469.466
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	6.187.469.466	6.187.469.466
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.880.153.639	13.161.005.450
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	12.880.153.639	13.161.005.450
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.863.107.311	2.863.107.311
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.982.953.672)	(9.702.101.861)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(9.702.101.861)	(9.719.296.496)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(280.851.811)	17.194.635
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24.030.414.629	24.516.725.512

Lương Huyền Thảo

Lương Huyền Thảo
 Người lập biểu

Lương Huyền Thảo

Lương Huyền Thảo
 Phụ trách kế toán



Lê Phương Nam
 Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 09 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	17.090.909	5.323.809.520
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	17.090.909	5.323.809.520
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13.672.727	4.790.476.190
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.418.182	533.333.330
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.338	6.799.277
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		284.272.331	808.808.536
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(280.851.811)	(268.675.929)
8. Thu nhập khác	31		-	-
9. Chi phí khác	32		-	59.838.360
10. Lợi nhuận khác	40		-	(59.838.360)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(280.851.811)	(328.514.289)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.3	-	-
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(280.851.811)	(328.514.289)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4	(140)	(164)

Lương Huyền Thảo
Người lập biểu

Lương Huyền Thảo
Phụ trách kế toán



Lê Phương Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 08 tháng 09 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B 03a-DN
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	320.002.338	6.505.500.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.328.776.375)	(6.019.614.300)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(242.042.700)	(669.810.341)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.419.428.364	1.901.000.000
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(232.094.600)	(1.097.860.726)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(63.482.973)	619.214.633
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(52.589.451)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	6.799.277
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	(45.790.174)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(63.482.973)	573.424.459
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	124.872.765	627.309.568
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	61.389.792	1.200.734.027



Lương Huyền Thảo
 Người lập biểu



Lương Huyền Thảo
 Phụ trách kế toán



Lê Phương Nam
 Tổng Giám đốc
 Ngày 08 tháng 09 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004132 ngày 12 tháng 04 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 08 năm 2013, Công ty chuyển số đăng ký kinh doanh từ số 0103004132 sang số 0101476469, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 2.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 10 tháng 01 năm 2008, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Sara Việt Nam được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã số cổ phiếu là SRA.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Buôn bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; đại lý phát triển dịch vụ ADSL; đại lý phát hành phim ảnh, chương trình phát thanh, truyền hình;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ ăn uống, giải khát;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận chuyển hành khách;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, tin học; Tư vấn về môi trường; đánh giá tác động môi trường;
- Lập trình máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất phần mềm vi tính;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất); dịch vụ cho thuê nhà, cho thuê văn phòng;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo, dạy nghề ngoại ngữ, tin học, kỹ thuật viên công nghệ thông tin, chuyên viên công nghệ thông tin, kế toán máy, cơ khí (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, thủy lợi; Xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông; xây dựng, kinh doanh dịch vụ khu công viên, khu vui chơi giải trí;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Tư vấn, cung cấp các dịch vụ cho thuê nguồn nhân lực công nghệ thông tin;
- Dịch vụ liên quan đến in: In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ lĩnh vực Nhà nước cấm);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Khảo sát xây dựng các công trình giao thông đường bộ ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính: sản xuất, lắp ráp máy tính, các thiết bị viễn thông.
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy vi tính và các thiết bị ngoại vi khác;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Đại lý kinh doanh dịch vụ Internet, lắp đặt mạng LAN, WAN, đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông, cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng thông tin di động, đại lý kinh doanh game (trò chơi trực tuyến);
- Quảng cáo: Dịch vụ quảng cáo trên mạng Internet; dịch vụ quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);
- Sản xuất linh kiện điện tử: sản xuất linh kiện, thiết bị điện dân dụng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn linh kiện, thiết bị điện dân dụng;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan: Dịch vụ cung cấp thông tin thị trường (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm, dịch vụ điều tra); Dịch vụ cho thuê các quy trình nghiệp vụ (BPO);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh các dịch vụ giải trí truyền hình, báo chí;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Không bao gồm xuất khẩu vàng miếng và vàng nguyên liệu);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện, hội chợ triển lãm (không bao gồm tổ chức hợp báo);
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ trung tâm cung cấp dữ liệu (DATA CENTER), trung tâm hỗ trợ qua điện thoại (CONTACT CENTER) (không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp các loại thông tin Nhà nước cấm);
- Khai thác, xử lý, cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Tái chế phế liệu (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty có trụ sở đặt tại Phòng 205, khu đô thị Đại Kim, phường Định Công, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có Công ty con hay chi nhánh nào khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm hệ thống dự toán, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính ban hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	60.380.788	124.371.499
Tiền gửi ngân hàng	1.009.004	501.266
Cộng	61.389.792	124.872.765

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	825.180.000	825.180.000
Doanh nghiệp Tư nhân Phước Thủy	500.000.000	820.000.000
Các đối tượng khác	30.760.453	30.760.453
Cộng	1.355.940.453	1.675.940.453

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sara Hà Nội	7.920.000.000	6.720.000.000
Công ty Cổ phần Delta	903.244.331	903.244.331
Công ty CP Tư vấn Kiến trúc Đô thị UAC	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425	221.327.363	221.327.363
Các đối tượng khác	94.020.100	94.020.100
Cộng	9.588.591.794	8.388.591.794

4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trần Khắc Hùng	2.436.000.000	3.836.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425	363.273.090	363.273.090
Đặng Đình Ban	150.000.000	150.000.000
Võ Quang Phong	10.000.000	10.000.000
Phải thu khác	5.513.333	5.513.333
Cộng	2.964.786.423	4.364.786.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5. Nợ xấu

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	3.414.561.437	250.554.000		3.714.561.437	417.590.000	
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	825.180.000	247.554.000	2 năm	825.180.000	412.590.000	1 - 2 năm
Doanh nghiệp tư nhân Phước Thủy	520.000.000	-	3 năm	820.000.000	5.000.000	3 năm
Công ty CP đầu tư XD Sara 425	584.600.453	-	3 năm	584.600.453	-	3 năm
Công ty Cổ phần Delta	903.244.331	-	3 năm	903.244.331	-	3 năm
Công ty CP tư vấn kiến trúc đô thị UAC	450.000.000	-	3 năm	450.000.000	-	3 năm
Các đối tượng khác	131.536.653	3.000.000	3 năm	131.536.653	-	3 năm
Cộng	3.414.561.437	250.554.000		3.714.561.437	417.590.000	

6. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	207.782.115	317.059.632	509.719.800	1.034.561.547
Tại ngày 30/06/2015	207.782.115	317.059.632	509.719.800	1.034.561.547
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	207.782.115	317.059.632	486.153.569	1.010.995.316
Khấu hao trong kỳ	-	-	23.566.231	23.566.231
Tại ngày 30/06/2015	207.782.115	317.059.632	509.719.800	1.034.561.547
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	-	-	23.566.231	23.566.231
Tại ngày 30/06/2015	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 1.034.561.547 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 681.068.088 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10.266.497.188	10.266.497.188
- Mua sắm	5.538.120.093	5.538.120.093
- Xây dựng cơ bản	4.728.377.095	4.728.377.095
Trong đó:		
Dự án Văn Canh	4.728.377.095	4.728.377.095
Dự án Datacenter	3.485.124.014	3.485.124.014
Dự án Mobipaymet	52.996.079	52.996.079
Dự án phần mềm kế toán	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	10.266.497.188	10.266.497.188

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	3.300.000.000	3.300.000.000
Cộng	3.300.000.000	3.300.000.000

Theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 10 tháng 01 năm 2011, Công ty Cổ phần Sara Việt Nam mua 330.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Borsmi (mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng) với giá trị đầu tư là 3.300.000.000 đồng.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.242.677.627	2.242.677.627	2.198.677.627	2.198.677.627
Công ty CP Đầu tư XD				
Công nghệ TM Sara	843.988.000	843.988.000	843.988.000	843.988.000
Trường ĐH CNTT-DHQG TP.HCM	423.712.527	423.712.527	423.712.527	423.712.527
Công ty Liên doanh	383.825.000	383.825.000	383.825.000	383.825.000
Nền móng và Công trình				
Các đối tượng khác	591.152.100	591.152.100	547.152.100	547.152.100
Cộng	2.242.677.627	2.242.677.627	2.198.677.627	2.198.677.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Người mua trả tiền trước

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Huệ Lộc	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH FANUC Việt Nam	21.615.000	21.615.000
Cộng	121.615.000	121.615.000

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	44.595.338	5.709.091	24.428.163	25.876.266
Thuế thu nhập doanh nghiệp	767.228.720	-	-	767.228.720
Thuế thu nhập cá nhân	44.263.032	-	-	44.263.032
Các loại thuế khác	1.037.328.870	-	-	1.037.328.870
Cộng	1.893.415.960	5.709.091	24.428.163	1.874.696.888

12. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn;	1.864.799	1.864.799
Bảo hiểm xã hội;	215.941.484	214.981.484
Bảo hiểm y tế;	25.845.790	25.665.790
Bảo hiểm thất nghiệp;	16.864.949	16.744.949
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	350.000.000	582.000.000
<i>Trong đó</i>		
- Nguyễn Thị Huệ	-	132.000.000
- Công ty CP Đầu tư Vietnamnet	350.000.000	450.000.000
Cộng	610.517.022	841.257.022

13. Phải trả dài hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.187.469.466	6.187.469.466
Cộng	6.187.469.466	6.187.469.466

Đây là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 98/2011/HTKD về việc Hợp tác đầu tư, xây dựng, kinh doanh Dự án Xây dựng khu chức năng đô thị Sara tại Cầu Nổi, xã Văn Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Vốn chủ sở hữu	a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu	Số dư tại ngày 01/01/2014 như được trình bày năm trước					Tổng cộng VND
		Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND		
		20.000.000.000	2.610.751.724	252.355.587	(9.719.296.496)	13.143.810.815	
		-	252.355.587	(252.355.587)	-	-	
		20.000.000.000	2.863.107.311	-	(9.719.296.496)	13.143.810.815	
		20.000.000.000	2.863.107.311	-	17.194.635	17.194.635	
		-	-	-	(9.702.101.861)	13.161.005.450	
		-	-	-	(280.851.811)	(280.851.811)	
		20.000.000.000	2.863.107.311	-	(9.982.953.672)	12.880.153.639	

b. Cổ phiếu

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ 1 cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - bộ phận quản lý xây dựng, bộ phận quản lý hoạt động thiết kế website, phần mềm và bộ phận quản lý các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận quản lý xây dựng: chuyên quản lý các hoạt động liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng.

Bộ phận quản lý bán hàng: chuyên quản lý các hoạt động liên quan đến bán hàng.

Bộ phận quản lý khác: chuyên quản lý các hoạt động đào tạo, đầu tư tài chính...

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động bán hàng VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	20.827.218.041	90.570.280	3.051.236.516	23.969.024.837
Tài sản không phân bổ	-	-	-	61.389.792
Tổng tài sản	20.827.218.041	90.570.280	3.051.236.516	24.030.414.629
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	8.551.762.093	-	-	8.551.762.093
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	2.598.498.897
Tổng nợ phải trả	8.551.762.093	-	-	11.150.260.990

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động bán hàng VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu thuần từ bán hàng	-	17.090.909	-	17.090.909
Tổng doanh thu	-	17.090.909	-	17.090.909
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	-	13.672.727	-	13.672.727
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận				3.418.182
Chi phí không phân bổ				284.272.331
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(280.854.149)
Doanh thu từ các khoản đầu tư				2.338
Lợi nhuận trước thuế				(280.851.811)
Lợi nhuận trong kỳ				(280.851.811)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Gác Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2015

	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động bán hàng VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	19.814.254.041	962.000.000	3.051.020.373	23.827.274.414
Tài sản không phân bổ	-	-	-	689.451.098
Tổng tài sản	19.814.254.041	962.000.000	3.051.020.373	24.516.725.512
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	8.507.762.093	1.100.000.000	-	9.607.762.093
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.747.957.969
Tổng nợ phải trả	8.507.762.093	1.100.000.000	-	11.355.720.062

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động bán hàng VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	5.323.809.520	-	5.323.809.520
Tổng doanh thu	-	5.323.809.520	-	5.323.809.520
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ		4.790.476.190		4.790.476.190
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận		533.333.330		533.333.330
Chi phí không phân bổ				808.808.536
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(275.475.206)
Doanh thu từ các khoản đầu tư				6.799.277
Lợi nhuận khác				(59.838.360)
Lợi nhuận trước thuế				(328.514.289)
Lợi nhuận trong kỳ				(328.514.289)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Phòng 205, khu đô thị Đại Kim, phường Định Công, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có Công ty con hay chi nhánh nào khác.

Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.090.909	5.323.809.520
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	-	5.323.809.520
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.090.909	-
Cộng	17.090.909	5.323.809.520

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	4.790.476.190
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.672.727	-
Cộng	13.672.727	4.790.476.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Gác Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Lợi nhuận/(lỗ) trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ)	(280.851.811)	(328.514.289)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>(280.851.811)</u>	<u>(328.514.289)</u>

Số cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.000.000	2.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu suy giảm	<u>2.000.000</u>	<u>2.000.000</u>

4. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	4.790.476.190
Chi phí nhân công	-	685.301.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.566.231	56.579.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.735.876	227.478.542
Chi phí khác bằng tiền	123.642.951	225.081.700
Cộng	<u><u>297.945.058</u></u>	<u><u>5.984.917.799</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Hệ số đòn bẩy tài chính

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	61.389.792	124.872.765
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	12.880.153.639	13.161.005.450
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.389.792	124.872.765
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.156.719.439	2.743.755.439
Đầu tư dài hạn	3.300.000.000	3.300.000.000
Cộng	4.518.109.231	6.168.628.204
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	9.040.664.115	9.227.404.115
Chi phí phải trả	15.310.400	15.310.400
Cộng	9.055.974.515	9.242.714.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn và giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2015			
Tiền	61.389.792	-	61.389.792
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.156.719.439	-	1.156.719.439
Đầu tư dài hạn	-	3.300.000.000	3.300.000.000
Cộng	1.218.109.231	3.300.000.000	4.518.109.231
30/06/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	9.040.664.115	-	9.040.664.115
Chi phí phải trả	15.310.400	-	15.310.400
Cộng	9.055.974.515	-	9.055.974.515
Chênh lệch thanh khoản thuần	(7.837.865.284)	3.300.000.000	(4.537.865.284)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2015			
Tiền	124.872.765	-	124.872.765
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.743.755.439	-	2.743.755.439
Đầu tư dài hạn	-	3.300.000.000	3.300.000.000
Cộng	2.868.628.204	3.300.000.000	6.168.628.204
01/01/2015			-
Phải trả người bán và phải trả khác	9.227.404.115	-	9.227.404.115
Chi phí phải trả	15.310.400	-	15.310.400
Cộng	9.242.714.515	-	9.242.714.515
Chênh lệch thanh khoản thuần	(6.374.086.311)	3.300.000.000	(3.074.086.311)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Trần Khắc Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty CP Borsmi	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sara Hà Nội	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty CP đầu tư XD Sara 425	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara	Công ty mẹ

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2015:

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tạm ứng	2.436.000.000	3.836.000.000
Ông Trần Khắc Hùng	2.436.000.000	3.836.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	363.273.090	363.273.090
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425	363.273.090	363.273.090
Đầu tư dài hạn	3.300.000.000	3.300.000.000
Công ty CP Borsmi	3.300.000.000	3.300.000.000
Trả trước cho người bán	8.141.327.363	6.941.327.363
Công ty Cổ phần Sara Hà Nội	7.920.000.000	6.720.000.000
Công ty CP đầu tư XD Sara 425	221.327.363	221.327.363
Phải trả dài hạn khác	6.187.469.466	6.187.469.466
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara	6.187.469.466	6.187.469.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2015 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 đã được soát xét. Một số chỉ tiêu tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 của Bảng cân đối kế toán được phân loại và điều chỉnh cho phù hợp với thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	11.269.661.820	-	11.269.661.820
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7.296.347.233	3.836.216.143	11.132.563.376
3. Các khoản phải thu khác	136	528.786.423	3.836.000.000	4.364.786.423
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	216.143	216.143
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	3.836.216.143	(3.836.216.143)	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	3.836.216.143	(3.836.216.143)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	24.516.725.512	-	24.516.725.512

NGUỒN VỐN	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	300	13.161.005.450	-	13.161.005.450
I. Vốn chủ sở hữu	410	13.161.005.450	-	13.161.005.450
Quỹ đầu tư phát triển	418	2.610.751.724	252.355.587	2.863.107.311
Quỹ dự phòng tài chính (*)		252.355.587	(252.355.587)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	24.516.725.512	-	24.516.725.512

Lương Huyền Thảo
Người lập biểu

Lương Huyền Thảo
Phụ trách kế toán



Lê Phương Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 08 tháng 09 năm 2015